

THÔNG BÁO

**Kết quả kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức
từ hạng IV lên hạng III và từ hạng III lên hạng II tại các đơn vị
sự nghiệp công lập thuộc Sở Nội vụ năm 2026**

Căn cứ Quyết định số 2420/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III, từ hạng III lên hạng II tại các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Nội vụ.

Hội đồng xét thăng hạng thông báo kết quả và danh sách 14 viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III, từ hạng III lên hạng II tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Nội vụ năm 2026 (kèm kết quả và danh sách trúng tuyển).

Thông báo này được đăng tải trên Trang Thông tin điện tử Sở Nội vụ tỉnh Cà Mau (địa chỉ: <https://sonoivu.camau.gov.vn>).

Hội đồng xét thăng hạng thông báo đến các phòng, ban trung tâm thuộc Sở có liên quan và viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng biết, thực hiện./. *Thư*

Nơi nhận:

- Giám đốc, các Phó Giám đốc;
- Trang TTĐT Sở (đăng tải);
- Phòng CCVC (SNV);
- Các ĐVSNCL thuộc Sở;
- Thành viên HĐXTHVC;
- Viên chức theo DS trúng tuyển;
- Lưu: VT, HĐXTHVC.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



**Phó Giám đốc Sở Nội vụ
Nguyễn Minh Thất**

SỞ NỘI VỤ TỈNH CÀ MAU
HỘI ĐỒNG XÉT THĂNG HẠNG
CDNN VIÊN CHỨC NĂM 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cà Mau, ngày 14 tháng 8 năm 2026

**DANH SÁCH KẾT QUẢ KỲ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC
TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III TẠI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC SỞ NỘI VỤ NĂM 2026**
(Kèm theo Thông báo số: 927 /SNV-VP ngày 14/8/2026 của Hội đồng xét thăng hạng)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác/Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét					Kết quả đánh giá, xếp loại năm 2025	Đánh giá (đạt/không đạt)						Kết quả xét thăng hạng
		Nam	Nữ			Hệ số lương	Mã CDNN hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ quản lý nghề nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Thời gian giữ CDNN	Trình độ chuyên môn	Trình độ quản lý nghề nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Kết quả xếp loại	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)
I Cán sự (01.004) lên Chuyên viên (01.003)																				
1	Lê Nguyễn Đáng	15/01/1981		Cán sự Trung tâm Chăm sóc người có công	10 năm (01/8/2016)	3.34	01.004	Đại học Công tác xã hội	Không quy định	CV	A	B	Năm 2025 HTTNV	X	X	X	X	X	X	Đạt
II Kế toán viên trung cấp (06.032) lên Kế toán viên (06.031)																				
1	Vương Thị Tuyết Trinh		09/7/1984	Kế toán viên trung cấp Trung tâm Lưu trữ lịch sử	16 năm 07 tháng (01/01/2010)	3.46	V.06.032	Cử nhân Kế toán	Không quy định	Bồi dưỡng nghiệp vụ kế toán viên	B	B	Năm 2025 HTTNV	X	X	X	X	X	X	Đạt

DANH SÁCH KẾT QUẢ KỲ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
VIÊN CHỨC TỪ HẠNG III LÊN HẠNG II TẠI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC SỞ NỘI VỤ NĂM 2026
(Kèm theo Thông báo số: 927 /SNV-VP ngày 14 /8/2026 của Hội đồng xét thăng hạng)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác/Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét				Có đề án, công trình, nhiệm vụ khoa học...		Thành tích công tác	Kết quả đánh giá, xếp loại		Đánh giá (đạt/không đạt)									Kết quả xét thăng hạng		
		Nam	Nữ			Hệ số lương	Mã CDNN hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ quản lý nghề nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Quyết định tham gia Tổ soạn thảo		Sản phẩm (Nghị quyết, Quyết định,...)	Kết quả đánh giá, xếp loại năm 2025	Kết quả đánh giá ít nhất 02 năm công tác hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ CDNN	Trình độ chuyên môn	Trình độ quản lý nghề nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Kết quả xếp loại	Thành tích công tác	Nhiệm vụ khoa học			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)		
1 Chuyên viên (01.003) lên Chuyên viên chính (01.002)																												
1	Tăng Văn Tâm	12/11/1968		Giám đốc Trung tâm Chăm sóc người có công	11 năm 7 tháng (01/01/2015)	4,98 (VK 7%)	01.003	Đại học Luật	CC	CVC	B	B	- Tổ viên Tổ soạn thảo Nghị quyết HĐND tỉnh QĐ số 5436/QĐ-SLĐTBXH, ngày 21/8/2020. - Tổ phó Tổ soạn thảo Quyết định của UBND tỉnh, QĐ số 6547/QĐ-SLĐTBXH, ngày 14/10/2024. - Tổ phó Tổ soạn thảo Quyết định của UBND tỉnh, QĐ số 729/QĐ-SNV, ngày 10/9/2025.	- Nghị quyết số 15/2020/NQ-HĐND, ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh Bạc Liêu; - Quyết định số 1624/QĐ-UBND ngày 12/9/2024 của UBND tỉnh Bạc Liêu; - Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND, ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Bạc Liêu; - Quyết định số 047/2025/QĐ-UBND, ngày 26/11/2025 về phân cấp cho Sở Nội tỉnh Cà Mau.	- Bảng khen của UBND tỉnh Quyết định số 1523/QĐ-UBND, ngày 09/7/2013; - Bảng khen của UBND tỉnh Quyết định số 815/QĐ-UBND, ngày 24/5/2022; - Bảng khen của Thủ tướng Chính phủ Quyết định số 1410/QĐ-TTg, ngày 26/9/2012; - Huân chương lao động hạng ba QĐ số 1997/QĐ-CN, ngày 17/10/2025	Năm 2025 HTTNV	Năm: 2020 - 2024 HTXSNV	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	Đạt
2	Quách Thanh Thoáng	08/6/1981		Giám đốc Trung tâm Dịch vụ việc làm	15 năm (01/8/2011)	4,32	01.003	Cử nhân QTNL	CC	CVC	B	C	Thành viên Tổ soạn thảo NQ HĐND (Quyết định số 187/QĐ-SLĐTBXH ngày 21/5/2019)	Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019	-Bảng khen của Ủy ban nhân dân Tỉnh năm 2023 QĐ số 160/QĐ-UBND ngày 26/01/2024; Bảng khen của Thủ tướng Chính phủ - năm 2024 QĐ số 2650/QĐ-TTg ngày 04/12/2025;	Năm 2025 HTTNV	Năm 2022, 2023: HTXSNV	X	X	X	X	X	X	X	X	Đạt		

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác/Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét					Có đề án, công trình, nhiệm vụ khoa học...		Thành tích công tác	Kết quả đánh giá, xếp loại		Đánh giá (đạt/không đạt)										Kết quả xét thăng hạng
		Nam	Nữ			Hệ số lương	Mã CDNN hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ quản lý nghề nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Quyết định tham gia Tổ soạn thảo	Sản phẩm (Nghị quyết, Quyết định,...)		Kết quả đánh giá, xếp loại năm 2025	Kết quả đánh giá ít nhất 02 năm công tác hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ CDNN	Trình độ chuyên môn	Trình độ quản lý nghề nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Kết quả xếp loại	Thành tích công tác	Nhiệm vụ khoa học			
3	Nguyễn Hoàng Vũ	16/3/1980		Phó Giám đốc Trung tâm Dịch vụ việc làm	11 năm 7 tháng (01/01/2015)	3,99	01.003	Ths CTXH; ĐH Kế toán	CC	CVC	B	Bậc 3	Thành viên Tổ soạn thảo NQ HĐND (Quyết định số 5899/QĐ-SLĐTBXH ngày 04/10/2018)	Nghị quyết số 15/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018	Bảng khen UBND tỉnh 2015 Số 276/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 của UBND tỉnh Bạc Liêu; Bảng khen UBND tỉnh 2020 Số 1902/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của UBND tỉnh Bạc Liêu; Bảng khen UBND tỉnh 2023 Số 361/QĐ-UBND ngày 08/03/2024 của UBND tỉnh Bạc Liêu.	Năm 2025 HTXSNV	Đã có thành tích	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	Đạt
4	Nguyễn Văn Sánh	10/12/1977		Phó Giám đốc Trung tâm Dịch vụ việc làm	17 năm 8 tháng (01/12/2008)	4,65	01.003	Ths Luật HP và HC; ĐH Hành chính	CC	CVC	B	B	Thành viên Dự án KH&CN cấp tỉnh (Giấy chứng nhận số 15/GCN-NVKHCN ngày 10/8/2023)	Quyết định số 355/QĐ-SKHCN ngày 28/12/2023	Bảng khen của Bộ LĐ TBXH - năm 2012 QĐ số 60/QĐ-LĐTBXH; Bảng khen của Bộ LĐ TBXH năm 2014 QĐ số 97/QĐ-LĐTBXH; Bảng khen của Ủy ban nhân dân Tỉnh năm 2009 QĐ số 128/QĐ-UBND ngày 21/01/2011; Bảng khen của Ủy ban nhân dân Tỉnh năm 2014 QĐ số 2070/QĐ-UBND ngày 30/12/2015;	Năm 2025 HTTNV	Đã có thành tích	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	Đạt
II Lưu trữ viên (V.01.02.02) lên Lưu trữ viên chính (V.01.02.01)																												
1	Nguyễn Kim Bằng		15/7/1990	Lưu trữ viên	09 năm 05 tháng (01/3/2017)	3,66	V.01.02.02	Cử nhân Lưu trữ và Quản trị văn phòng	TC	Không quy định	A	B	Không quy định	Không quy định	Có 03 Bảng khen UBND tỉnh: Quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 06/3/2019; Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 06/01/2023; Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 28/01/2026.	Năm 2025 HTTNV	Không quy định	X	X	X	X	X	X	X	X	Không quy định	Đạt	
2	Võ Tổ Quyền		20/7/1982	Lưu trữ viên	15 năm (01/8/2011)	3,99	V.02.02.02	Cử nhân Lưu trữ và Quản trị văn phòng	TC	Không quy định	A	B	Không quy định	Không quy định	Có 02 Bảng khen UBND tỉnh: Quyết định số 611/QĐ-UBND ngày 16/4/2014; Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 06/01/2023.	Năm 2025 HTTNV	Không quy định	X	X	X	X	X	X	X	X	Không quy định	Đạt	
3	Võ Hồng Nhi		13/8/1984	Lưu trữ viên	16 năm 01 tháng (01/7/2010)	3,99	V.02.02.02	Cử nhân Lưu trữ và Quản trị văn phòng	TC	Không quy định	B	B	Không quy định	Không quy định	Có 01 Bảng khen UBND tỉnh: Quyết định 82/QĐ-UBND ngày 15/01/2021.	Năm 2025 HTTNV	Không quy định	X	X	X	X	X	X	X	X	Không quy định	Đạt	
4	Huỳnh Yến Nhi		01/3/1990	Lưu trữ viên	12 năm 03 tháng (01/5/2014)		V.02.02.02	Cử nhân Lưu trữ và Quản trị văn phòng	TC	Không quy định	B	B	Không quy định	Không quy định	Có 01 Bảng khen UBND tỉnh: Quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 06/3/2019.	Năm 2025 HTTNV	Không quy định	X	X	X	X	X	X	X	X	Không quy định	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác/Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét					Có đề án, công trình, nhiệm vụ khoa học...		Thành tích công tác	Kết quả đánh giá, xếp loại		Đánh giá (đạt/không đạt)									Kết quả xét thăng hạng
		Nam	Nữ			Hệ số lương	Mã CDNN hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ quản lý nghề nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Quyết định tham gia Tổ soạn thảo	Sản phẩm (Nghị quyết, Quyết định,...)		Kết quả đánh giá, xếp loại năm 2025	Kết quả đánh giá ít nhất 02 năm công tác hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ CDNN	Trình độ chuyên môn	Trình độ quản lý nghề nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Kết quả xếp loại	Thành tích công tác	Nhiệm vụ khoa học		
5	Đoàn Khánh Ly		12/8/1991	Lưu trữ viên	11 năm 09 tháng (01/11/2014)	3,66	V.02.02.02	Cử nhân Lưu trữ và Quản trị văn phòng	TC	Không quy định	A	B	Không quy định	Không quy định	Có 01 Bảng khen UBND tỉnh: Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 06/01/2023.	Năm 2025 HTTNV	Không quy định	X	X	X	X	X	X	X	X	Không quy định	Đạt
6	Bùi Thúy Diễm		25/12/1982	Lưu trữ viên	16 năm 01 tháng (01/7/2010)	3,99	V.02.02.02	Cử nhân Lưu trữ và Quản trị văn phòng	TC	Không quy định	B	B	Không quy định	Không quy định	Có 01 Bảng khen UBND tỉnh: Quyết định số 611/QĐ-UBND ngày 16/4/2014.	Năm 2025 HTTNV	Không quy định	X	X	X	X	X	X	X	X	Không quy định	Đạt
7	Nguyễn Thị Trang Kim Yến		26/4/1986	Lưu trữ viên	17 năm (01/8/2009)	3,99	02.014	Cử nhân Lưu trữ và Quản trị văn phòng	TC	Không quy định	A	B	Không quy định	Không quy định	Có 02 Bảng khen UBND tỉnh: Quyết định số 96/QĐ-UBND ngày 20/01/2010; Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 01/7/2013.	Năm 2025 HTTNV	Không quy định	X	X	X	X	X	X	X	X	Không quy định	Đạt
8	Hồ Minh Thức	15/8/1985		Lưu trữ viên	14 năm (01/8/2012)	3,99	02.014	Cử nhân Lưu trữ và Quản trị văn phòng	TC	Không quy định	A	B	Không quy định	Không quy định	Có 01 Bảng khen UBND tỉnh: Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 10/4/2014.	Năm 2025 HTXSNV	Không quy định	X	X	X	X	X	X	X	X	Không quy định	Đạt

**DANH SÁCH KẾT QUẢ KỲ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
VIÊN CHỨC TỪ HẠNG III LÊN HẠNG II TẠI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC SỞ NỘI VỤ NĂM 2026**
(Kèm theo Thông báo số: 927 /SNV-VP ngày 14 /8/2026 của Hội đồng xét thăng hạng)

[illegible]